

GIẢI PHÁP NÀO CHO CÁC DOANH NGHIỆP KHU VỰC TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ SUY THOÁI KINH TẾ - GÓC NHÌN TỪ NGUỒN VỐN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

TS.Nguyễn Thị Minh Huệ^{**}

ThS. Tăng Thị Thanh Phúc^{††}

Năm 2012 lại là năm đầy thách thức đối với các khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam. Đây là khu vực trụ cột, có vị trí vô cùng quan trọng trong sự phát triển kinh tế, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn đầu tư của toàn xã hội. Tuy nhiên, nguy cơ đổ vỡ vì thiếu vốn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế đang khiến cho bức tranh sôi động của khu vực này bỗng ảm đạm. Vì vậy, hướng đi nào cho các doanh nghiệp khu vực tư nhân Việt Nam nhằm tháo gỡ khó khăn từ vốn?

I/ Vị trí, vai trò của các doanh nghiệp khu vực tư nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.

Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới. Vì vậy, nền kinh tế có phát triển bền vững được hay không cần sự khỏe mạnh của tất cả các thành phần kinh tế, sự yếu kém của một bộ phận nào đó cũng sẽ làm cho ta không thể đạt được mục tiêu tăng trưởng như đã định. Do đó, trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh những nỗ lực tái cơ cấu để vực dậy các doanh nghiệp Nhà nước, thì chính sách mở rộng và phát triển khu vực kinh tế ngoài nhà nước càng được chú trọng, trong đó, đáng quan tâm nhất là làm thế nào để các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân khẳng định được vị trí của mình dần trở thành trụ cột trong nền kinh tế.

Trong bài viết này, các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân (DNKVTN) được hiểu là các tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định

^{**} Trường Đại học KTQD

^{††} Trường CĐ Kinh tế - kế hoạch Đà Nẵng

được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật do một hay nhiều cá nhân trong nước thành lập, đầu tư vốn và quản lý với tư cách chủ sở hữu hoặc sở hữu trên 50% vốn cổ phần đối với công ty cổ phần nhằm thực hiện hoạt động kinh doanh.

Năm	Cơ cấu lao động (người)	Vốn sản xuất kinh doanh bình quân		Doanh thu thuần (Tỷ đồng)		Tỷ lệ nộp NS/Dthu (%)
		Tỷ đồng	Tỷ trọng (%)	Tỷ đồng	Tỷ trọng (%)	
2005	47,76%	698.739	26,15%	851.002	39,44	
2006	50,19%	983.988	29,1%	1.126.356	41,96	3,49
2007	53,28%	1442.883	34,84%	1.635.266	47,26	2,98
2008	56,89%	2396.376	39,08%	2.969.669	53,3	3,48
2009	59,03%	3.549.209	45,66%	3.272.300	56,56	3,04

Nguồn: tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê niên giám 2010

Như vậy, có thể nói rằng doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân có một vị trí rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế của đất nước, nó chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn đầu tư của toàn xã hội, cung cấp một khối lượng sản phẩm dịch vụ khổng lồ và có mặt trên hầu hết các lĩnh vực trong nền kinh tế, giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, gìn giữ và phát triển các làng nghề truyền thống, đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu của cả nước, thu hút một nguồn vốn dồi dào từ trong khu vực dân cư. Hiện nay, số lượng doanh nghiệp KVTN ngày càng gia tăng, kinh doanh mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực nên nó đóng góp rất lớn vào GDP và tăng trưởng kinh tế. Trong số các loại hình DNKVTN thì loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và doanh nghiệp tư nhân với quy mô nhỏ và vừa vẫn

chiếm đa số. Theo số liệu của Tổng cục thống kê vào tháng 12 năm 2008 thì tỷ trọng doanh thu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm trên 85%, trong đó, khoảng 50% thuộc quy mô nhỏ hoặc siêu nhỏ (dưới 200 lao động và/hoặc dưới 10 tỉ đồng vốn). Điều đó chứng tỏ các doanh nghiệp KVTN có đóng góp rất lớn vào GDP của Việt Nam bởi doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chủ yếu là khối DNKVTN. Sự phát triển của doanh nghiệp KVTN trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, đặc biệt ở khu vực chế biến, bán lẻ và dịch vụ thời gian qua đã góp phần không nhỏ vào GDP của cả nước.

Một đặc trưng của các doanh nghiệp KVTN là khi doanh nghiệp hình thành, nguồn vốn tự có nhỏ, chủ yếu là vay vốn để sản xuất kinh doanh.

Cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nguồn vốn	Tỷ lệ %
- Vốn tự có	36,25
- Vốn vay ngân	45,31
- Vốn khác	18,44

Nguồn: Báo cáo NHNN

Trong cơ cấu vốn của các doanh nghiệp này thì tỷ trọng vốn vay ngân hàng lên đến trên 45%, điều này cho thấy vốn tín dụng ngân hàng giữ một vai trò quan trọng. Bởi doanh nghiệp nhỏ và vừa do khả năng tích lũy thấp, nên các phương án đầu tư thường cũng chủ yếu dựa vào vay tín dụng của các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác dưới nhiều hình thức.

Theo nghiên cứu mới đây của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), có đến 74,47% doanh nghiệp được điều tra cho thấy, ngân hàng vẫn là kênh huy động vốn chủ yếu của họ.

II/ Thực trạng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng của các doanh nghiệp KVTN

Trong giai đoạn suy thoái kinh tế hiện nay, nền kinh tế lạm phát cao, với chính sách thắt chặt tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, nổi bật là quy định hạn chế

tăng trưởng tín dụng đối với các ngân hàng thương mại (NHTM); vì vậy, các NHTM cũng đã hạn chế cho vay, khiến cho các DNKVTN từ trước vốn đã rất khó tiếp cận với vốn tín dụng ngân hàng, nay càng khó khăn hơn. Trong bối cảnh hiện nay, không thể đòi hỏi một năm 20% lợi nhuận ròng như trước, doanh nghiệp chỉ cần duy trì được, giữ được công việc cho nhân công đã là một nỗ lực lớn. Theo Ông Cao Sỹ Kiêm - Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa: “Lãi suất như thế chưa phải là giá vốn tốt, mà thực tế những doanh nghiệp tiếp cận được giá này cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay thôi”; thêm vào đó, các ngân hàng tạm thời hạn chế cho vay bằng ngoại tệ (USD). Việc này đã tác động rất lớn đối với các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu có nguồn thu từ USD và thanh toán cho nhà cung cấp bằng USD. Và các doanh nghiệp trước đây đã vay vốn ngân hàng bằng USD thì nay phải mua ngoại tệ trả nợ vay cho ngân hàng, đồng thời phải gánh chịu một mức chênh lệch tỷ giá rất lớn do các ngân hàng bán USD cho doanh nghiệp không theo giá công bố mà theo tỷ giá thỏa thuận của ngân hàng, đã đưa doanh nghiệp vào tình thế rất khó khăn. Việc tiếp cận với nguồn vốn tín dụng trung và dài hạn thì lại càng khó khăn hơn.

Mặc dù thời gian vừa qua, để giúp các doanh nghiệp bổ sung nguồn vốn vượt qua giai đoạn khó khăn do khủng hoảng tài chính, Chính phủ đã ban hành chính sách hỗ trợ lãi suất, điều này đã tác động rất tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Số doanh nghiệp xuất khẩu cho biết, nhờ chính sách hỗ trợ lãi suất, tạo điều kiện thuận lợi về hoạt động vay vốn bằng kênh chính thống với chi phí thấp, hoạt động xuất khẩu của DNKVTN đã được cải thiện hơn phần nào; tình hình tiêu thụ nội địa đã khả quan hơn. Chính sách hỗ trợ của Chính phủ được hầu hết các doanh nghiệp đánh giá là có tác dụng tích cực trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh ở thị trường trong và ngoài nước; giúp doanh nghiệp duy trì sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động. Tuy

nhiên, việc giải ngân vốn hỗ trợ lãi suất cho đầu tư mới chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất và đây không phải là nguồn duy trì được thường xuyên của doanh nghiệp.

Hệ quả do không vay được vốn

- Một số các dự án đang thực hiện dựa vào nguồn vốn vay thì hiện nay bị hoãn lại, tạm dừng hoặc bỏ giữa chừng vì chủ đầu tư không còn đủ khả năng gánh trả lãi vay ngân hàng. Một xu hướng khác nữa là chuyển nhượng các dự án cho nhà đầu tư nước ngoài.

- Trong bối cảnh thị trường tín dụng chính thức có những rào cản đối với DNKVTN, các DNKVTN có khuynh hướng tìm nguồn tài trợ từ thị trường tín dụng không chính thức, mà nhanh chóng và tiện lợi nhất là vay nóng các cá nhân, tổ chức khác. Thực trạng này dẫn đến một tình trạng là hiện nay, các hình thức tín dụng ngầm đang phát triển mạnh mẽ. Mặc dù lãi suất cao nhưng không cần tài sản thế chấp và nhanh chóng, do đó, để đáp ứng nhu cầu vốn cấp thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nên DNKVTN đã tìm đến các nguồn này. Về lâu dài, làm suy giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nên nguy cơ đổ vỡ trong nền kinh tế là khá cao. Các DNKVTN hiện nay đang hoạt động cầm chừng vì chi phí sử dụng vốn quá cao và các chi phí đầu vào khác cũng gia tăng đáng kể. Với chính sách thắt chặt tín dụng đã khiến nhiều DNKVTN bị xóa tên hoặc các doanh nghiệp đang thoi thóp cầm cự chờ cơn bão lăm phát đi qua. Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 9 tháng đầu năm 2011, đã có đến 48.700 doanh nghiệp giải thể hoặc ngừng hoạt động. Trong đó, giải thể 5.803 doanh nghiệp, ngừng hoạt động là 11.421 và 31.477 doanh nghiệp đã dừng nộp thuế nhưng chưa đăng ký giải thể.

Trong khuôn khổ bài viết này, để đánh giá đầy đủ hơn những vướng mắc của các doanh nghiệp KVTN khi tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng trong giai đoạn suy thoái kinh tế hiện nay, tác giả tiến hành khảo sát thông qua việc lấy phiếu điều tra trong phạm vi 150 doanh nghiệp KVTN thuộc lĩnh vực dịch vụ, thương

mại, sản xuất trên địa bàn Đà Nẵng. Qua kết quả khảo sát thực tế, thu về 130 phiếu, chiếm trên 80% số phiếu phát ra.

Bảng 1: Những khó khăn khi tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng

Khó khăn	Tỷ lệ %
- Lãi suất vay cao	73,8
- Thiếu tài sản thế chấp	53,6
- Chứng minh mục đích sử dụng vốn vay	40,1
- Tỷ lệ cho vay/TS đảm bảo thấp	29,7
- Lập phương án kinh doanh	26,2
- Vướng mắc về thủ tục vay vốn	23,7

(Nguồn: Tính toán dựa trên kết quả khảo sát của tác giả năm 2011)

Trong những khó khăn chính mà DNKVTN gặp phải khi tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng thì khó khăn do lãi suất vay cao chiếm tỷ lệ đáng kể 73,8%. Doanh nghiệp hoạt động phải có lãi trên 20% mới đủ trả lãi vay cho ngân hàng đã là một vấn đề hết sức khó khăn chưa kể đến phần lợi nhuận đủ để trang trải các chi phí khác của doanh nghiệp.

Bảng 2: Tỷ lệ vốn vay đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp

Mức độ đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp	Tỷ lệ %
- Đúng nhu cầu	10,5
- $\frac{3}{4}$ nhu cầu	26,1
- $\frac{1}{2}$ nhu cầu	33,5
- $\frac{1}{4}$ nhu cầu	29,8

(Nguồn: Tính toán dựa trên kết quả khảo sát của tác giả năm 2011)

So với các hình thức tìm nguồn tài trợ khác thì nguồn tài trợ từ tín dụng ngân hàng được các DNKVTN biết đến nhiều nhất, do số lượng các ngân hàng ở Đà Nẵng trong thời gian qua đã tăng trưởng nhanh chóng về cả số lượng và quy

mô, hệ thống các chi nhánh cũng ngày càng được mở rộng nhưng mức độ đáp ứng vốn cho doanh nghiệp của ngân hàng chưa cao.

Trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện nền kinh tế chuyển đổi, các doanh nghiệp tư nhân có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển nền kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, thực tế trong thời gian qua cho thấy, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp này còn hạn chế. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế sức cạnh tranh của các doanh nghiệp chủ yếu là do chưa được đầu tư đổi mới máy móc, trang thiết bị và quy trình công nghệ một cách thích đáng vì thiếu vốn. Như vậy, đối với các doanh nghiệp khu vực tư nhân hiện nay, nguồn vốn đã và đang trở thành nhân tố có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đối với năng lực cạnh tranh và sự phát triển ổn định của họ. Cần có các biện pháp tích cực khơi thông các kênh tài chính, giải quyết bài toán thường xuyên đối vốn cho các doanh nghiệp phát triển ổn định trong thời gian tới.

III/ Giải pháp tạo nguồn vốn cho doanh nghiệp KVTN từ kênh cung cấp vốn chủ đạo - vốn tín dụng ngân hàng

Giải quyết khó khăn từ hai phía: ngân hàng và doanh nghiệp. Về phía ngân hàng, việc cơ cấu lại đối tượng khách hàng trong giai đoạn hiện nay là vô cùng cấp thiết, nhóm khách hàng chính là các doanh nghiệp nhà nước như nhiều năm trước đây không còn được xem là vị khách ưu ái của các ngân hàng thương mại. Bởi theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước đến giữa năm 2011, tỷ lệ nợ xấu trong dư nợ của các ngân hàng thương mại lên đến 3%, trong đó các doanh nghiệp nhà nước được cho là nhóm khách hàng chính chiếm tỷ trọng lớn về nợ xấu trong các ngân hàng thương mại. Như vậy, có thể khẳng định các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc khu vực tư nhân chính là đối tượng khách hàng tiềm năng mà các ngân hàng cần hướng đến. Ngân hàng có xu hướng đa dạng hoá các hình thức tiếp xúc (tiếp xúc trực tiếp, tiếp xúc gián tiếp và tiếp xúc qua trung gian) nhằm tăng khả năng khai thác thông tin của các doanh nghiệp khu vực tư nhân. Trong các hình thức này, tiếp xúc trực

tiếp đóng vai trò quan trọng nhất trong việc ảnh hưởng đến các quyết định cho vay, không chỉ dựa vào các dạng thông tin có chất lượng thấp và vai trò của trung gian trong việc cung cấp thông tin tài chính của các doanh nghiệp có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tính hữu ích của thông tin đối với ngân hàng. Sự tác động của những nhân tố này dẫn đến kết quả là các ngân hàng phải đối mặt với sự thiếu ổn định trong các quyết định cho vay, và trong rất nhiều các trường hợp, dẫn đến mắc phải hai sai lầm trong cho vay, đó là: *Từ bỏ một dự án tốt, chấp nhận một dự án tồi*. Về công tác thẩm định tín dụng, tránh dựa quá nhiều vào tài sản đảm bảo như thời gian vừa qua, thực hiện nghiêm túc khâu thẩm định để đánh giá chính xác tiềm năng kinh doanh và hiệu quả dự án của khách hàng, từ đó hình thành các quyết định cho vay. Ngoài ra, cần chú trọng thực hiện chính sách hỗ trợ khách hàng của ngân hàng sau cho vay, điều này vừa giúp cho các doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt các doanh nghiệp còn yếu kém trong khâu quản trị tài chính, khai thác thị trường đồng thời giúp khả năng bảo toàn được vốn kinh doanh của ngân hàng rất lớn.

Về phía doanh nghiệp, vấn đề nổi cộm hiện nay là thiếu một hệ thống thông tin tài chính mang tính trung thực, minh bạch trong các doanh nghiệp tư nhân, làm cho các ngân hàng khó đánh giá được thực trạng, tình hình tài chính, khả năng sinh lời và thanh toán các khoản nợ vay của doanh nghiệp, do đó, cản trở việc ra các quyết định cho vay. Điều này làm tăng tính rủi ro của các khoản vay, vì vậy, các ngân hàng có xu hướng dựa vào điều kiện về tài sản bảo đảm để giảm thiểu rủi ro hoặc phải dựa trên sự tin cậy và các mối quan hệ cá nhân với chủ doanh nghiệp để đánh giá mức độ rủi ro hợp lý. Tuy nhiên, đây cũng là điểm yếu của các doanh nghiệp tư nhân, vì các tài sản bảo đảm chủ yếu có nguồn gốc từ tài sản cá nhân của chủ doanh nghiệp và giá trị của các tài sản cá nhân thường thấp hơn rất nhiều so với nhu cầu các khoản vay để phát triển doanh nghiệp. Vì vậy, việc tuân thủ nghiêm túc chế độ lập tài chính vừa giúp cho doanh nghiệp kiểm soát được thông tin vừa lấy lại uy tín của doanh nghiệp đối với ngân hàng.

Ngoài ra, vấn đề mấu chốt hiện nay là quy mô các doanh nghiệp tư nhân của ta còn nhỏ, hoạt động manh mún, manh ai nấy làm. Một số lượng lớn các doanh nghiệp siêu nhỏ tập trung khai thác thị trường nội địa với các mặt hàng truyền thống, kém đa dạng về mẫu mã và đặc biệt chất lượng không ổn định; vì vậy, chưa tạo độ tin cậy đối với người dân trong nước và chưa tận dụng được lợi thế so sánh có được từ nguồn nguyên liệu và nhân công giá rẻ trong nước trước hàng hóa của các nước lân cận như Trung Quốc, Thái Lan, Malaixia... Đối với các doanh nghiệp quy mô vừa hoặc lớn có thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhìn chung, tiềm lực kinh tế cũng chưa đủ mạnh, công tác quảng bá thương hiệu sản phẩm còn yếu nên rất dễ bị xáo trộn trước các biến động của kinh tế thế giới cũng như trong nước. Vì vậy, để nâng cao năng lực cạnh tranh các doanh nghiệp, cần chú trọng các liên kết kinh tế, tận dụng lợi thế từ liên kết trong kinh doanh, đồng thời cũng cần tạo cơ chế chính sách sáp nhập, mua bán DN một cách thuận lợi. Qua đó, tăng cường được số lượng DN có quy mô vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân có năng lực về quản trị, năng lực tài chính và công nghệ được thành lập, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo vị thế khách hàng mục tiêu, là đối tác quan trọng trong mắt các ngân hàng.

Về phía Nhà nước, hiện nay, để hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nhà nước đã ban hành Quy chế bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các ngân hàng thương mại, nhưng đối tượng vay vốn cũng chỉ hạn hẹp đối với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa (Quyết định 03/2011/QĐ-TTg). Nên chăng, cũng cần mở rộng đối với cả các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ để dần hỗ trợ và phát triển thành các loại hình doanh nghiệp có quy mô lớn hơn. Ngoài ra, với quy định về các điều kiện để được bảo lãnh vay vốn như hiện nay, đòi hỏi phải chú trọng công tác lập và thẩm định dự án đầu tư. Đây là khâu rất yếu ở các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam xuất phát từ trình độ nguồn nhân lực, do đó, nảy sinh ra vấn đề là các doanh nghiệp tư nhân của ta thường *dành luôn* cho cán bộ ngân hàng

lập dự án. Như vậy, cả hai khâu lập và thẩm định dự án sẽ có thể cùng do một đối tượng thực hiện, và liệu hiện tượng vừa đá bóng vừa thổi còi này còn có tác dụng gì trong việc hạn chế rủi ro tín dụng hay không. Vì vậy, vấn đề hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp tư nhân cũng là vấn đề cần giải quyết trong thời gian tới.

¹Tính đến thời điểm hiện nay, Tổng cục Thống kê chưa công bố niên giám 2011. Theo đánh giá của tác giả, các số liệu trên cũng không có thay đổi nhiều trong năm 2010, 2011.

Tài liệu tham khảo:

- <http://www.gso.gov.vn>
- <http://vneconomy.vn>
- *Kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2011 - 2015 (Bộ KH&ĐT).*
- *Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại các ngân hàng thương mại.*